

Số: 10./TTr-CPNT2

Nhon Trach, ngày 28 tháng 02 năm 2022

TỜ TRÌNH

**V/v: Báo cáo kết quả SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2**

Kính gửi: Hội đồng quản trị (HĐQT)
 Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty)

Để chuẩn bị tài liệu phục vụ Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022, Công ty kính báo cáo kết quả SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022 với các nội dung như sau:

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (PVPower NT2) được sửa đổi lần thứ XII, ban hành theo Quyết định số 16/QĐ-CPNT2 ngày 28/04/2021 của Đại hội đồng Cổ đông.
- Quy trình quản lý công tác Kế hoạch của Công ty ban hành theo Quyết định số 51/QĐ-CPNT2 ngày 29/10/2018 của HĐQT Công ty.
- Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 08/NQ-CPNT2 ngày 28/04/2021.
- Quyết định số 21/QĐ-CPNT2 ngày 13/05/2021 của HĐQT Công ty về việc phê duyệt chi tiết kế hoạch SXKD năm 2021.
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021.

II. NỘI DUNG

1. Báo cáo kết quả SXKD năm 2021

Năm 2021 là năm khó khăn trong hoạt động SXKD của Công ty do (i) Tác động lũy tiến của Đại dịch Covid-19; (ii) Giá thị trường tiếp tục giảm do phụ tải thấp và ảnh hưởng của nguồn cung năng lượng tái tạo; (iii) Giá khí tăng làm giảm tính cạnh tranh trong thị trường điện; (iv) Để tối ưu hiệu quả SXKD phải lên xuống máy nhiều lần làm tăng chi phí và rủi ro trong vận hành; (v) Qc giảm 0,49 tỷ kWh. Nhận thức được những khó khăn, thách thức nên Ban Lãnh đạo công ty đã thường xuyên đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện theo từng ngày để có điều chỉnh kịp thời, tối ưu hiệu quả SXKD góp phần hoàn thành vượt kế hoạch chỉ tiêu lợi nhuận và các nhiệm vụ quan trọng như sau:

- Lợi nhuận sau thuế đạt 115,47%KH 2021 tương ứng 553,79 tỷ đồng trong bối cảnh sản lượng huy động chỉ là 3.194,89 tr.kWh, đạt 69,45%KH 2021- tỷ lệ chia cổ tức dự kiến vượt 1,5% so với kế hoạch là 15% - đây là kết quả của những nỗ lực và là điểm sáng của Ban Lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV Công ty trong năm 2021.
- Đảm bảo cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu SXKD. Hoàn thành trả nợ nguồn vốn

vay nước ngoài đúng hạn với kỳ cuối 19/19 là 519,37 tỷ đồng.

- Hoàn thành chi trả 20% cổ tức năm 2020 với giá trị là 575,76 tỷ đồng.
- Hoàn thành tốt công tác tiêu tu nhà máy an toàn, tiết kiệm, đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, công suất nhà máy tăng lên khoảng 6 MW so với trước khi thực hiện tiêu tu trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp.
- Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước đầy đủ và đúng quy định. Nộp ngân sách nhà nước năm 2021 là 282,76 tỷ đồng, đạt 115,69% KH 2021.
- Công tác vận hành, công tác thương mại thị trường điện và các công tác khác được thực hiện tốt mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất cho Công ty.
- Thực hiện tốt công tác tiết kiệm và chống lãng phí năm 2021. Giá trị tiết kiệm đạt được năm 2021 là 45,74 tỷ đồng.

Trải qua một năm có nhiều biến động do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nhưng Công ty đã tổ chức trực tiếp phương án làm việc 3 tại chỗ để hoạt động ổn định, giữ vững và đạt được các giải thưởng: (i) 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững; (ii) Top 500 doanh nghiệp lớn nhất VN; (iii) Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán năm 2021.

(Chi tiết theo Phụ lục 1 – Báo cáo kết quả SXKD năm 2021 đính kèm).

2. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022

Đánh giá các khó khăn trong SXKD của năm 2021 tiếp tục kéo dài qua năm 2022 như: (i) Ảnh hưởng đại dịch Covid-19; (ii) Giá khí đầu vào tăng cao, nguồn năng lượng tái tạo tăng liên tục làm giảm tính cạnh tranh và hiệu quả trong thị trường điện; (iii) Rủi ro lên xuống máy và chạy tải thấp làm cho suất hao nhiệt tăng cao.

Về ảnh hưởng của nguồn năng lượng tái tạo: Nguồn năng lượng tái tạo tập trung chủ yếu ở Miền Nam ảnh hưởng trực tiếp tới các nhà máy nhiệt điện: (i) Giảm giá thị trường; (ii) Giảm tỷ lệ huy động nhiệt điện khí liên tục qua các năm như: Năm 2019 chiếm 17,53%; năm 2020 chiếm 14,59%; năm 2021 chiếm 13,28%; năm 2022 chiếm 11,95%; (iii) Tăng trưởng tổng phụ tải thấp hơn tăng trưởng của nguồn năng lượng tái tạo nên các nguồn điện truyền thống như điện than, điện khí phải giảm để tăng tỷ lệ huy động cho các nguồn năng lượng tái tạo. Điều này tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình SXKD của PVPower NT2 trong năm 2022 khi tỷ lệ NLTT ngày càng gia tăng chiếm 15,21% so với tỷ lệ nhiệt điện khí thì giảm chỉ chiếm 11,95%.

Về ảnh hưởng sản lượng điện hợp đồng (Qc): Đối với nhà máy nhiệt điện như PVPower NT2 Qc ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả SXKD, Qc 2022 của PVPower NT2 tuy có cao hơn Qc 2021 khoảng 5,5% tương ứng với 180 tr.kWh, tuy nhiên vẫn thấp hơn nhiều so với các năm trước đây. Bên cạnh đó, A0 đã tính toán huy động hệ thống điện và phân bổ Qc các tháng 2, 9, 10 rất thấp dẫn đến giảm mạnh hiệu quả SXKD của Công ty (do nhà máy chưa hết khấu hao) – đây được xem là một thách thức rất lớn để đảm bảo tỷ lệ chia cổ tức 15% của Công ty trong năm 2022. Tuy nhiên để làm động lực phấn đấu cho

CBCNV và mang lại hiệu quả cao nhất cho cổ đông, PVPower NT2 mạnh dạn xây dựng kế hoạch SXKD năm 2022 với tỷ lệ cổ tức 15% cùng các chỉ tiêu chính cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2022
(1)	(2)	(3)	(4)
1	SL Điện	Tr.kWh	4.344
2	KL Khí	Tr.Sm3	827
3	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	8.128,95
4	Tổng Chi phí	Tỷ đồng	7.636,16
5	LN trước thuế	Tỷ đồng	492,79
6	LN sau thuế	Tỷ đồng	468,15
7	NNSNN	Tỷ đồng	220,20
8	Cổ tức	%	15

(Chi tiết theo phụ lục 2 – Kế hoạch SXKD năm 2022 đính kèm)

III. KIẾN NGHỊ

Công ty kính trình HĐQT xem xét thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022 trình ĐHĐCĐ phê duyệt để Công ty có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo.

Trân trọng.

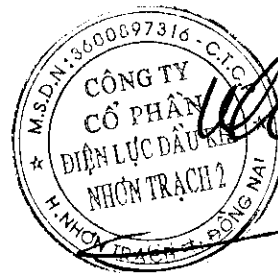
Nơi nhận:

- Như trên;
- TBKS;
- Ban GĐ;
- Các Phòng chức năng/PXVH;
- Lưu VT, P.KHTH.

Đính kèm:

- Phụ lục 1: Báo cáo kết quả SXKD năm 2021;
- Phụ lục 2: Kế hoạch SXKD năm 2022.

GIÁM ĐỐC



Ngô Đức Nhân

PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2021

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

Đánh giá trong SXKD năm 2021 gặp nhiều khó khăn do (i) Tác động lũy tiến của Đại dịch Covid-19; (ii) Giá thị trường tiếp tục giảm do phụ tải thấp và ảnh hưởng của nguồn cung năng lượng tái tạo; (iii) Giá khí tăng làm giảm tính cạnh tranh trong thị trường điện; (iv) Để tối ưu hiệu quả SXKD phải lên xuống máy nhiều lần làm tăng chi phí và rủi ro trong vận hành; (v) Qc giảm 0,49 tỷ kWh. Ban Lãnh đạo đã thường xuyên đồn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện để có những điều chỉnh phù hợp, kịp thời. Nhờ đó, các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác vận hành, thị trường điện, thương mại, kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng, công tác tài chính, công tác khác của Công ty đã hoàn thành tốt và góp phần thực hiện vượt mức lợi nhuận kế hoạch được giao, cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	KH 2021	TH 2021	Tỷ lệ (%)
1	Sản lượng điện	4.600	3.194,89	69,45%
2	Tổng Doanh thu	7.713,36	6.175,57	80,06%
3	Tổng Chi phí	7.226,77	5.609,73	77,62%
4	LN trước thuế	486,59	565,84	116,29%
5	LN sau thuế	462,26	533,79	115,47%
6	Nộp NSNN	244,41	282,76	115,69%

(Chi tiết theo BM-KHTH-01-01: Kết quả thực hiện KH SXKD năm 2021 đính kèm).

Đánh giá:

Với tinh thần trách nhiệm cao, chủ động khắc phục khó khăn do dịch Covid-19 gây ra, Ban lãnh đạo cùng CBCNV Công ty phấn đấu hết mình trong công tác điều hành, xây dựng các phương án chào giá hợp lý, điều chỉnh kịp thời, tổ chức triển khai trực tiếp phương án làm việc “3 tại chỗ” (sản xuất, cách ly, ăn nghỉ tại chỗ) và “1 cung đường 2 địa điểm” từ ngày 11/05 đến ngày 15/10/2021 cho CBCNV tại nhà máy vừa đảm bảo an toàn phòng chống dịch Covid-19 vừa sản xuất vận hành ổn định, linh hoạt phù hợp với thị trường điện, đồng thời chủ động triển khai thực hiện triệt để tiết kiệm chống lãng phí góp phần hoàn thành vượt kế hoạch chỉ tiêu lợi nhuận, cụ thể như sau:

1. Đánh giá kết quả thực hiện KH SXKD năm 2021:

- Lợi nhuận sau thuế đạt 115,47%KH 2021 tương ứng 533,79 tỷ đồng trong bối cảnh sản lượng huy động chỉ là 3.194,89 tr.kWh, đạt 69,45%KH 2021- tỷ lệ chia cổ tức dự kiến vượt 1,5% so với kế hoạch là 15% - đây là kết quả của những nỗ lực và là điểm sáng của Ban Lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV Công ty trong năm 2021.
- Đảm bảo cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu SXKD. Hoàn thành trả nợ nguồn vốn vay nước ngoài đúng hạn với kỳ cuối 19/19 là 519,37 tỷ đồng.

- Hoàn thành chi trả 20% cổ tức năm 2020 với giá trị là 575,76 tỷ đồng.
- Hoàn thành tốt công tác tiêu tu nhà máy an toàn, tiết kiệm, đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, công suất nhà máy tăng lên khoảng 6 MW so với trước khi thực hiện tiêu tu trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp.
- Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước đầy đủ và đúng quy định. Nộp ngân sách nhà nước năm 2021 là 282,76 tỷ đồng, đạt 115,69% KH 2021.
- Công tác vận hành, công tác thương mại thị trường điện và các công tác khác được thực hiện tốt mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất cho Công ty.
- Thực hiện tốt công tác tiết kiệm và chống lãng phí năm 2021. Giá trị tiết kiệm đạt được năm 2021 là 45,74 tỷ đồng.
- Các giải thưởng đạt được: Trải qua một năm có nhiều biến động do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nhưng Công ty đã tổ chức trực tiếp phương án làm việc 3 tại chỗ để hoạt động ổn định, giữ vững và đạt được các giải thưởng: (i) 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững; (ii) Top 500 doanh nghiệp lớn nhất VN; (iii) Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán năm 2021.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THEO TỪNG LĨNH VỰC

1. Công tác vận hành, công tác thị trường điện, công tác sửa chữa bảo dưỡng

- Công tác vận hành ổn định, tin cậy, suất sự cố thấp và đáp ứng theo thị trường phát điện cạnh tranh. Các thời điểm phụ tải thấp và giá trị trường không cao thì Công ty chủ động chào giá để lên xuống máy hợp lý nhằm đảm bảo tối ưu lợi nhuận, gia tăng hiệu quả SXKD và thực hiện các sửa chữa nhỏ. Trong quý III/2021, Công ty đã xây dựng phương án vận hành linh hoạt, hợp lý, hiệu quả bám sát thị trường và đã đạt được lợi nhuận cao góp phần hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận năm 2021.
- Công tác thị trường điện gặp nhiều khó khăn như: (i) Sản lượng điện huy động Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 trong hệ thống điện thấp hơn so với các năm; (ii) Tình hình Covid-19 diễn biến phức tạp, nhu cầu phụ tải Miền Nam tăng trưởng thấp hơn dự kiến, ảnh hưởng nguồn NLTT (mặt trời, gió); (iii) Sản lượng Qc được phân bổ thấp hơn Pmin 02 tổ máy hoặc bằng Pmin 01 tổ máy dẫn tới NMD Nhơn Trạch 2 phải lên máy xuống máy nhiều lần làm tăng chi phí và rủi ro trong công tác vận hành; (iv) Giá khí cao dẫn đến giá biến đổi tăng khiến cho việc chào giá cạnh tranh khó khăn hơn trong thị trường điện (giá khí thực tế 7,9 USD/Tr.BTU/kế hoạch 7,2 USD/Tr.BTU) do A0 ưu tiên huy động các nguồn điện than, thủy điện với chi phí thấp.
- Hoàn thành tốt công tác tiêu tu nhà máy an toàn, tiết kiệm, đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, công suất nhà máy tăng lên khoảng 6 MW so với trước khi thực hiện tiêu tu trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp thiếu hụt chuyên gia.
- Hoàn thành xây dựng định mức vật tư tồn kho nhà máy góp phần nâng cao công tác quản lý và kéo giảm giá trị tồn kho

- Công tác sửa chữa bảo dưỡng luôn được PVPower NT2 kiểm tra, giám sát, xử lý các bất thường kịp thời.

2. Công tác tài chính kế toán

- Hoàn thành trả nợ cho nguồn vốn vay nước ngoài phục vụ đầu tư dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đúng hạn với kỳ cuối 19/19 là 519,37 tỷ đồng. Việc hoàn thành trả nợ khoản vay được Chính phủ bảo lãnh bao gồm gốc và lãi lên tới 240,65 triệu USD và 227,04 triệu Euro, tương đương 11.375,1 tỷ đồng đã khẳng định tính hiệu quả và quản trị chi phí hợp lý của Ban điều hành NMTĐ Nhơn Trạch 2.
- Hoàn thành thanh toán 20% cổ tức năm 2020, tạm ứng 10% cổ tức năm 2021, nâng cao uy tín công ty trên thị trường chứng khoán trong bối cảnh khó khăn chung của năm 2021.
- Lập báo cáo tài chính đầy đủ, chính xác và kịp thời.
- Thực hiện tốt các quy chế, quy định về công tác quản lý chi tiêu đảm bảo có hiệu quả, hợp lý và tiết kiệm.
- Tích cực thu hồi công nợ, đảm bảo dòng tiền phục vụ SXKD.

3. Công tác thương mại, hợp đồng

- Hợp đồng mua bán điện: Hoàn thành việc đàm phán lại Hợp đồng PPA theo Thông tư 56/2014/TT-BCT với kết quả tỷ suất sinh lợi nội tại về tài chính là $IRR = 11,5\%$ cho suốt đời sống kinh tế dự án. Phối hợp chặt chẽ với các bên trong thanh toán; hoàn thiện các hợp đồng sửa đổi liên quan để phục vụ SXKD một cách đồng bộ.
- Hợp đồng mua bán khí: Phối hợp chặt chẽ trong công tác thanh toán; hoàn thiện các hợp đồng sửa đổi đồng bộ với PPA.
- Quản lý hợp đồng theo tiến độ đã ký kết, đảm bảo chất lượng và tiết kiệm chi phí góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD.
- Thực hiện tốt công tác mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ cho công tác tiểu tu và SXKD năm 2021 góp phần hoàn thành vượt tiến độ công tác tiểu tu.

4. Công tác an toàn sức khỏe môi trường và PCCC

- Công tác an toàn, sức khỏe, môi trường luôn được công ty quan tâm, góp phần vận hành an toàn nhà máy.
- Tổ chức cho CBCNV theo phương án làm việc 3 tại chỗ tại nhà máy và 1 cung đường 2 địa điểm từ ngày 11/05 đến ngày 15/10/2021, đồng thời triển khai quyết liệt các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 và sớm tiêm vacxin phòng Covid-19 cho toàn thể CBCNV, đảm bảo sức khỏe, đặc biệt là lực lượng vận hành nhằm ổn định sản xuất. Đến ngày 31/12/2021, 100% CBCNV PVPower NT2 đã hoàn thành 3 mũi tiêm vắc xin Astrazeneca phòng dịch bệnh Covid-19.
- Tích cực tham gia cuộc thi “Sống chung với Covid-19” để nâng cao tinh thần làm việc và động viên CBCNV vượt qua khó khăn trong đại dịch Covid-19. Để hạn chế ảnh

hường của Đại dịch Covid-19, Công ty đã chủ động tạm dừng một phần hợp đồng thu gom vệ sinh tháng 8-11/2021 và tổ chức cho CBCNV trực tiếp tham gia vào thứ 6 hàng tuần, góp phần tiết kiệm chi phí thực hiện.

- Công tác Y tế và công tác an toàn vệ sinh lao động được luôn được kiểm tra giám sát.

5. Công tác tổ chức lao động, khoa học công nghệ

- Lao động cuối kỳ năm 2021 là 173 người.
- Công tác khoa học công nghệ:
 - + Luôn quan tâm đến hoạt động khoa học công nghệ và phát động CBCNV đăng ký sáng kiến cải tiến kỹ thuật để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
 - + Ban hành các quy chế, quy định để khuyến khích, động viên người lao động thi đua sáng kiến cải tiến kỹ thuật góp phần vào sự phát triển cho Công ty.

6. Công tác an sinh xã hội, chăm lo đời sống cho người lao động.

- Thực hiện thăm hỏi tặng quà thân nhân gia đình CBCNV – LĐ khi ốm đau, hoạn nạn hoặc gặp khó khăn.
- Tặng quà cho các hộ nghèo đón Tết Tân Sửu năm 2021 cho các xã Phước Khánh, Phước An và các đoàn thể trên địa bàn huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Công tác lao động, tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách cho người lao động luôn được lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm. Các chế độ chính sách cho người lao động như lương, thưởng, BHXH, BHYT, chế độ ốm đau, thai sản được thực hiện đúng quy định.

7. Công tác thực hành tiết kiệm tiết giảm chi phí

Đánh giá công tác thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ trọng tâm nên ngay từ đầu năm Ban Lãnh đạo Công ty đã tập trung rà soát cắt giảm các hạng mục chi phí chưa cần thiết trong năm 2021, với giá trị thực hiện tiết kiệm, tiết giảm năm 2021 là 45,74 tỷ đồng, góp phần hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận năm 2021.

PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Tình hình cung cấp điện giai đoạn 2019 – 2025.
- Dự báo tốc độ tăng trưởng GDP năm 2022 là 6,5%.
- Tác động của đại dịch Covid-19 và sự ảnh hưởng của nguồn cung năng lượng tái tạo.
- Dự báo nhu cầu phụ tải điện tăng trưởng khoảng 10% năm 2022.
- Báo cáo ngày 05/5/2021 của Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia về tình hình vận hành hệ thống điện.
- Quy trình quản lý công tác Kế hoạch của Công ty ban hành theo Quyết định số 51/QĐ-CPNT2 ngày 29/10/2018 của HĐQT Công ty.
- Công văn số 1346/KVN-ĐDK ngày 29/07/2021 của Tổng công ty Khí Việt Nam-CTCP về việc khả năng cung cấp khí cho sản xuất điện theo từng nguồn năm 2022.
- Dựa trên kết quả thực hiện SXKD năm 2021, dự báo tình hình phụ tải và kế hoạch vận hành TTD năm 2022, khả năng cung cấp khí và dự báo tình hình kinh tế xã hội năm 2022, tình hình tài chính hiện tại của Công ty.

II. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

Đánh giá các khó khăn trong SXKD của năm 2021 tiếp tục kéo dài qua năm 2022 như: (i) Ảnh hưởng đại dịch Covid-19; (ii) Giá khí đầu vào tăng cao, nguồn năng lượng tái tạo tăng liên tục làm giảm tính cạnh tranh và hiệu quả trong thị trường điện; (iii) Rủi ro lên xuống máy và chạy tải thấp làm cho suất hao nhiệt tăng cao.

Về ảnh hưởng của nguồn năng lượng tái tạo: Nguồn năng lượng tái tạo tập trung chủ yếu ở Miền Nam ảnh hưởng trực tiếp tới các nhà máy nhiệt điện: (i) Giảm giá thị trường; (ii) Giảm tỷ lệ huy động nhiệt điện khí liên tục qua các năm như: Năm 2019 chiếm 17,53%; năm 2020 chiếm 14,59%; năm 2021 chiếm 13,28%; năm 2022 chiếm 11,95%; (iii) Tăng trưởng tổng phụ tải thấp hơn tăng trưởng của nguồn năng lượng tái tạo nên các nguồn điện truyền thống như điện than, điện khí phải giảm để tăng tỷ lệ huy động cho các nguồn năng lượng tái tạo. Điều này tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình SXKD của PVPower NT2 trong năm 2022 khi tỷ lệ NLTT ngày càng gia tăng chiếm 15,21% so với tỷ lệ nhiệt điện khí thì giảm chỉ chiếm 11,95%.

Về ảnh hưởng sản lượng điện hợp đồng (Qc): Đối với nhà máy nhiệt điện như PVPower NT2 Qc ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả SXKD, Qc 2022 của PVPower NT2 tuy có cao hơn Qc 2021 khoảng 5,5% tương ứng với 180 tr.kWh, tuy nhiên vẫn thấp hơn nhiều so với các năm trước đây. Bên cạnh đó, A0 đã tính toán huy động hệ thống điện và phân bổ Qc các tháng 2, 9, 10 rất thấp dẫn đến giảm mạnh hiệu quả SXKD của Công ty (do nhà máy chưa hết khấu hao) – đây được xem là một thách thức rất lớn để đảm bảo tỷ lệ chia cổ tức 15% của Công ty trong năm 2022. Tuy nhiên để làm động lực phấn đấu cho CBCNV và mang lại hiệu quả cao nhất cho cổ đông, PVPower NT2 mạnh dạn xây dựng kế hoạch SXKD năm 2022 với tỷ lệ cổ tức 15% cùng các chỉ tiêu chính cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2022
(1)	(2)	(3)	(4)
1	SL Điện	Tr.kWh	4.344
2	KL Khí	Tr.Sm3	827
3	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	8.128,95
4	Tổng Chi phí	Tỷ đồng	7.636,16
5	LN trước thuế	Tỷ đồng	492,79
6	LN sau thuế	Tỷ đồng	468,15
7	NNSNN	Tỷ đồng	220,20
8	Cổ tức	%	15

(Chi tiết theo BM-KHTH-01-02: Kế hoạch SXKD năm 2022 đính kèm)

III. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2022

Đánh giá các khó khăn trong năm 2021 tiếp tục ảnh hưởng đến SXKD năm 2022 nên để chủ động trong hoạt động SXKD, Công ty đề ra các nhiệm vụ và giải pháp để cùng toàn thể CBCNV nỗ lực phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu KH SXKD năm 2022 như sau:

1. Nhiệm vụ chủ yếu:

- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật để đảm bảo vận hành an toàn, ổn định các tổ máy.
- Tích cực thu hồi tiền điện (bao gồm CLTG), cân đối dòng tiền phục vụ SXKD.
- Phối hợp với các bên liên quan để điều chỉnh, phân bổ Qc hợp lý cho các tháng trong năm 2022 nhằm tối ưu hiệu quả SXKD.
- Triển khai đồng bộ các Hợp đồng sửa đổi bổ sung PPA, GSA đảm bảo hiệu quả Công ty.
- Kiểm soát tốt định mức kinh tế kỹ thuật để cải thiện hiệu quả sản xuất kinh doanh trong bối cảnh giá thị trường điện thấp.
- Chuẩn bị tốt cho công tác tiêu thụ 2022, đại tu 2023 và công tác quản lý, vận hành, BDSC của nhà máy sau giai đoạn 100.000 giờ EOH đầu tiên.
- Cân đối mua bảo hiểm gián đoạn kinh doanh phù hợp với thực tế SXKD trên tinh thần tiết kiệm.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo, phát huy sáng kiến, nghiên cứu khoa học kỹ thuật để góp phần vào thực tiễn sản xuất kinh doanh.

- Bám sát thị trường điện cạnh tranh, tìm kiếm các hộ tiêu thụ lớn, chuẩn bị các điều kiện tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh.
- Tìm kiếm các nguồn cung cấp khí bổ sung trong bối cảnh nguồn khí trong nước đang suy giảm.
- Công tác đầu tư phát triển: Nghiên cứu giải pháp làm mát không khí đầu vào tuabin để cải thiện hiệu suất của tổ máy; Nghiên cứu các giải pháp, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật để giảm thiểu sự cố thiết bị của nhà máy, giảm công suất Pmin các tổ máy để nâng cao hiệu quả SXKD.
- Đẩy mạnh công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
- Triển khai đồng bộ các giải pháp để tiết kiệm chi phí trong công tác mua sắm vật tư đáp ứng nhu cầu SXKD.
- Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội và các nhiệm vụ khác.

2. Các giải pháp thực hiện

Để phần đầu hoàn thành tỷ lệ cố tức 15% trong bối cảnh ảnh hưởng của các khó khăn, Công ty xây dựng các giải pháp thực hiện cụ thể như sau:

- Giải pháp tiết giảm chi phí sản xuất:
 - + Vận hành an toàn, ổn định các tổ máy là biện pháp tiết kiệm chi phí tốt nhất vì chi phí khắc phục sự cố là rất lớn, ảnh hưởng trực tiếp và nghiêm trọng đến tình hình SXKD của Công ty.
 - + Vận hành ở chế độ tối ưu để giảm SHN nhằm nâng cao hiệu quả SXKD.
 - + Thường xuyên theo dõi và phối hợp chặt chẽ với các nhà thầu trong công tác giám sát thiết bị, bảo trì bảo dưỡng thường xuyên và khắc phục các sự cố bất thường một cách kịp thời để nhà máy vận hành với độ khả dụng cao.
 - + Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát khi có hiện tượng lãng phí nhằm phát hiện và chấn chỉnh kịp thời các tồn tại trong sản xuất kinh doanh nhằm đạt hiệu quả cao nhất.
 - + Phát động các phong trào thi đua sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - + Tăng cường thực hiện nghiên cứu và áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng tại nhà máy mang lại hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường.
- Giải pháp tiết giảm chi phí quản lý:
 - + Chủ động rà soát cụ thể các công việc và hạng mục nào cần triển khai thực hiện để tập trung thực hiện, tránh gián trái.
 - + Luôn chủ động và chỉ đạo các tổ chức/đoàn thể trong PVPower NT2 triển khai, phổ biến sâu rộng và tuyên truyền vận động đến toàn thể CBCNV phải nghiêm túc xây dựng nhận thức và hành động trong công tác thực hiện thực hành tiết

kiệm chống lãng phí và kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và đề xuất các biện pháp thực hành tiết kiệm chống lãng phí tại đơn vị.

- + Tăng cường công tác quản trị giám sát chi phí hàng tháng/hàng quý để chủ động trong công tác tiết kiệm chi phí cho Công ty. Đặc biệt luôn quan tâm đến việc quản lý, chi tiếp khách, các phương tiện ô tô không vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ được ban hành.
- + Tiếp tục rà soát và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ xử lý công việc theo hướng tiết kiệm thời gian, kịp thời, hiệu quả.
- + Quán triệt việc sử dụng công cụ dụng cụ đúng mục đích, đồng thời quản lý và sắp xếp tối ưu việc sử dụng an toàn hiệu quả nhằm tiết kiệm chi phí cho đơn vị.
- Giải pháp tiết giảm chi phí trong việc lựa chọn nhà thầu: Luôn công khai, minh bạch trong công tác lựa chọn nhà thầu, đơn vị cung cấp đối với công tác mua sắm vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất,...thực hiện theo đúng quy định của Luật đấu thầu nhằm lựa chọn đơn vị cung cấp đáp ứng kỹ thuật với giá cả cạnh tranh.

Trân trọng.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

Stt	Các chỉ tiêu kế hoạch	Đơn vị	KH 2021	TH 2021	Đánh giá
			1	2	3=2/1
A	KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG				
I	SẢN LƯỢNG ĐIỆN	Triệu.kWh	4.600,00	3.194,89	69,45%
1	Sản lượng điện chạy khí	"	4.580,00	3.194,89	69,76%
2	Sản lượng điện chạy dầu	"	20,00		
II	NHIÊN LIỆU TIÊU THỤ				
1	Khí	Triệu Sm3	845,07	623,83	73,82%
2	Dầu	Tấn	3.315,7		
B	KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH				
I	VỐN CHỦ SỞ HỮU	Triệu.VNĐ	3.977.169	4.233.574	106,45%
	Trong đó: - Vốn điều lệ	"	2.878.760	2.878.760	100,00%
	- Tỷ lệ tham gia của PV Power	%	59,37	59,37	100,00%
II	TỔNG DOANH THU	Triệu.VNĐ	7.713.363	6.175.573	80,06%
1	Doanh thu sản xuất điện	"	7.713.363	6.149.584	79,73%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	"	-	17.716	
4	Thu nhập khác	"	-	8.274	
III	TỔNG CHI PHÍ	Triệu.VNĐ	7.226.773	5.609.734	77,62%
1	Chi phí giá vốn	"	7.005.663	5.473.778	78,13%
2	Chi phí tài chính	"	106.511	51.989	48,81%
3	Chi phí quản lý	"	114.599	82.922	72,36%
4	Chi phí khác	"	-	1.045	
IV	LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD	Triệu.VNĐ			
V	XỬ LÝ TÀI CHÍNH	Triệu.VNĐ			
1	Lợi nhuận trước thuế	"	486.590	565.839	116,29%
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	"	24.330	32.050	131,73%
3	Lợi nhuận sau thuế	"	462.261	533.789	115,47%
4	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	%	15		-
VI	GIÁ THÀNH SẢN XUẤT	VNĐ/kWh	1.571	1.755	111,68%
VII	NỢP NGÂN SÁCH	Triệu.VNĐ	244.413	282.757	115,69%
C	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC				
I	MUA SẴM TTB, TSCĐ	"	4.500	2.953	65,62%
II	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	"	14.000	777	5,55%
III	MUA SẴM VTSX VÀ BDSC	"	50.000	3.477	6,95%
IV	KH BDSC TTB, HẠ TẠNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG	"	5.145	1.638	31,83%
V	KẾ HOẠCH LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG				
1	Lao động định biên	Người	190	190	100,00%
2	Lao động bình quân	Người	190	176	92,63%
3	Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu)	Triệu.VNĐ /người/tháng	3.383	2.924	86,43%
VI	KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO				
1	Kế hoạch đào tạo	Lượt	261	54	20,69%
2	Kinh phí đào tạo	Triệu.VNĐ	3.790	179	4,72%

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

STT	Các chỉ tiêu kế hoạch	Đơn vị	Kế hoạch năm 2022				
			Tổng cộng	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
A	B	C	I=2+3+4+5	2	3	4	5
A	KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG						
I	SẢN LƯỢNG ĐIỆN	Triệu.kWh	4.344	954	1.432	1.008	951
-	Sản lượng điện chạy khí	"	4.344	954	1.432	1.008	951
II	NHIÊN LIỆU TIÊU THỤ						
-	Khí	Triệu Sm3	827	182	273	192	181
B	KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH						
I	VỐN CHỦ SỞ HỮU	Triệu.VNĐ	3.983.061	4.001.150	3.851.414	3.869.446	3.983.061
	Trong đó: - Vốn điều lệ	"	2.878.760	2.878.760	2.878.760	2.878.760	2.878.760
	- Tỷ lệ tham gia của PV Power	%	59	59	59	59	59
II	TỔNG DOANH THU	Triệu.VNĐ	8.128.951	1.742.799	2.590.610	1.811.101	1.984.441
III	TỔNG CHI PHÍ	Triệu.VNĐ	7.636.159	1.708.979	2.421.726	1.792.121	1.713.332
1	Chi phí giá vốn	"	7.498.444	1.675.151	2.386.697	1.758.292	1.678.303
2	Chi phí tài chính	"	17.400	3.750	4.950	3.750	4.950
3	Chi phí quản lý	"	120.316	30.079	30.079	30.079	30.079
4	Chi phí khác	"	-	-	-	-	-
IV	LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD	Triệu.VNĐ					
V	XỬ LÝ TÀI CHÍNH	Triệu.VNĐ					
1	Lợi nhuận trước thuế	"	492.792	33.819	168.884	18.980	271.108
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	"	24.640	1.691	8.444	949	13.555
3	Lợi nhuận sau thuế	"	468.152	32.128	160.440	18.031	257.553
4	Trích các quỹ	"	22.000				
5	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	%	15				
VI	GIÁ THÀNH SẢN XUẤT	VNĐ/kWh	1.758	1.791	1.691	1.779	1.803
		Uscent/kWh	7,4794	7,6215	7,1952	7,5689	7,6703
VII	NỢP NGÂN SÁCH	Triệu.VNĐ	220.199	39.694	67.040	38.241	75.224
C	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC						
I	MUA SẮM TTB, TSCĐ	"	14.500				
II	ĐTXDCB	"	500				
III	MUA SẮM VẬT TƯ, DỊCH VỤ	"	142.324				
IV	KH BDSC TTB, HẠ TẦNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG	"	7.910				
V	KẾ HOẠCH LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG						
1	Lao động định biên	Người	190				
2	Lao động bình quân	Người	190				
3	Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu)	Triệu.VNĐ /người/tháng	3.565				
VI	KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO						
1	Kế hoạch đào tạo	Lượt	213				
2	Kinh phí đào tạo	Triệu.VNĐ	3.385				

Tỷ giá ngoại tệ quy đổi là:

1 USD = 23.800 VNĐ

1 EUR = 28.900 VNĐ

**KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG ĐIỆN
VÀ KHỐI LƯỢNG NHIÊN LIỆU TIÊU THỤ NĂM 2022**

Tháng	Kế hoạch năm 2022		Ghi chú
	Sản lượng điện sản xuất (MWh)	Khối lượng nhiên liệu tiêu thụ (kSm3)	
1	467.337,85	88.971	Tết Âm lịch
2	22.776,68	4.336	
3	464.058,87	88.347	
4	474.062,20	90.252	
5	487.873,07	92.881	
6	470.303,61	89.536	
7	487.109,61	92.736	
8	475.765,32	90.576	
9	44.672,43	8.505	Tiểu tu
10	38.926,88	7.411	
11	422.870,96	80.506	
12	488.724,63	93.043	
Tổng cộng	4.344.482	827.099	

